TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 26-8-2020
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị M với anh C"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dân.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Thu Hồng.
2. Ông Lê Văn Tỵ.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 221/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2020 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 173/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 213/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm: 1987, địa chỉ: Ấp TĐ, xã HM, huyện M, tỉnh Bến Tre (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Dương Hoàng C, sinh năm: 1985, địa chỉ: Ấp TĐ, xã HM, huyện M, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Tuyết M trình bày:

Chị và anh Dương Hoàng C qua tìm hiểu và tự nguyện tiến tới hôn nhân, thành hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HM, huyện M, tỉnh Bến Tre. Sau khi cưới nhau, vợ chồng sinh sống tại ấp TĐ, xã HM, huyện M, tỉnh Bến Tre. Trong thời gian chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn do có nhiều bất đồng về quan điểm sống dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi vả . Khi mâu thuẫn xảy ra , anh chị đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không thành . Mâu thuẫn trầm trọng anh chị ly thân từ tháng 8/2019 cho đến nay, trong thời gian

ly thân thì mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm gì đến ai. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh C.

Trong thời gian chung sống, chị và anh C có một con chung tên Dương T, sinh ngày: 02/9/2016, hiện tại đang sống cùng với chị. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi Dương T, không yêu cầu anh C cấp dưỡng cho con.

Chị và anh C không tranh chấp tài sản chung, không có nợ chung.

Bị đơn là anh Dương Hoàng C vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa, anh C cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của anh về những nội dung có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của chị M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Kiểm sát viên trình bày ý kiến phát biểu về nội dung và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Nguyễn Thị Tuyết M có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị với anh Dương Hoàng C có địa chỉ tại ấp TĐ, xã HM, huyện M, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Dương Hoàng C đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vẫn vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt anh Dương Hoàng C theo quy định tại các Điều 207, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tuyết M và anh Dương Hoàng C chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HM, huyện M, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/3/2016 nên quan hệ hôn nhân của chị M và anh C được xem là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, chị M cho rằng giữa chị và anh C có sự khác biệt về quan điểm sống nên dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi vã và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chị M và anh C sống ly thân từ tháng 8/2019 cho đến nay, không ai

quan tâm gì đến ai , anh chị không thể đoàn tụ được . Quá trình Tòa án giải quyết thì anh C không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về hôn nhân giữa anh với chị M và cũng không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhằm mục đích hàn gắn đoàn tụ . Từ đó, cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị M với anh C đã đến mức trầm trọng , không thể đoàn tụ để tiếp tục cuộc sống chung của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M đối với anh C là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị M và anh C có một con chung là Dương T, sinh ngày: 02/9/2016. Chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng Dương T, không yêu cầu anh C cấp dưỡng cho con.

Hội đồng xét xử xét thấy, cháu T sống với chị M từ khi chị và anh C ly thân cho đến nay, chị M cũng đảm bảo tốt việc nuôi dưỡng con. Anh C vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bà y ý k iến về việc nuôi con . Do đó, để đảm bảo tâm sinh lý của các con được ổn định nên chấp nhận yêu cầu của chị M, giao con là Dương T cho chị M tiếp tục trực tiếp chăm sóc , giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng cho con: Chị M không yêu cầu anh C cấp dưỡng cho con nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị M trình bày không tranh chấp tài sản chung, không có nợ chung; anh C vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để thể hiện ý kiến của anh C về việc yêu cầu chia tài sản chung , nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị M là người khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tuyết M.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tuyết M được ly hôn với anh Dương Hoàng C.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Tuyết M và anh Dương Hoàng C có một con chung là Dương T, sinh ngày: 02/9/2016.

Chị Nguyễn Thị Tuyết M được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Dương T.

Ghi nhận chị Nguyễn Thị Tuyết M không yêu cầu anh Dương Hoàng C cấp dưỡng cho con.

Anh Dương Hoàng C có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Trong trường hợp anh Dương Hoàng C lạm dụng việc thăm nuôi con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì chị Nguyễn Thị Tuyết M có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Dương Hoàng C.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Tuyết M và anh Dương Hoàng C không tranh chấp tài sản chung, không có nợ chung nên không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tuyết M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000856 ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre. Chị Nguyễn Thị Tuyết M đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã HM;
- VKSND huyện M;

- Chi cục THADS huyện M;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Hồng Dân